

UBND QUẬN LÊ CHÂN  
TRƯỜNG THCS TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>	20/33	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	20	0,54
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	03	0,12
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	1,65	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45,52	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	1790	
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	950	0,63
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	20	0,54
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	3	
3	Diện tích thư viện (20 m <sup>2</sup> )	01	0,04
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	20	0,13
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	01	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	01	
1.1	Khối lớp 6	01	0,11
1.2	Khối lớp 7	01	0,11
1.3	Khối lớp 8	01	0,12
1.4	Khối lớp 9	01	0,11
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	01	
2.1	Khối lớp 6	01	0,11
2.1	Khối lớp 7	01	0,11
2.2	Khối lớp 8	01	0,12
2.4	Khối lớp 9	01	0,11
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	40	Số học sinh/ bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/ lớp
1	Ti vi	17	0,77
2	Cát xét	5	0,23
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	0,14

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	0,46
5	Màn hình LED		
	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/ lớp</b>
1	Ti vi	15	0,48
2	Cát xét	02	0,05
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	1,05
5	Màn hình LED		

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng(m<sup>2</sup>)</b>
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	0
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	0

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng phòng tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Số chỗ</b>	<b>Diện tích bình quân/chỗ</b>
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>Giáo viên nam</b>		<b>Giáo viên nữ</b>		<b>Học sinh nam</b>		<b>Học sinh nữ</b>	
		<b>Tổng số</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Diện tích</b>
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	8	02	8	01	30	01	30
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0		0		0		0

(\*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		<b>Có</b>	<b>Không</b>
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	<b>X</b>	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	<b>X</b>	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	<b>X</b>	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	<b>X</b>	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	<b>X</b>	

Quận Lê Chân, ngày 07 tháng 9 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Hà Huy Hiệp**